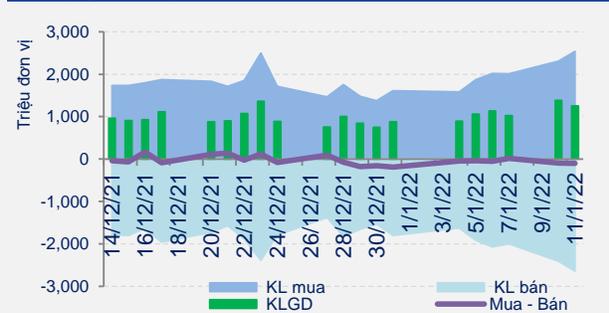
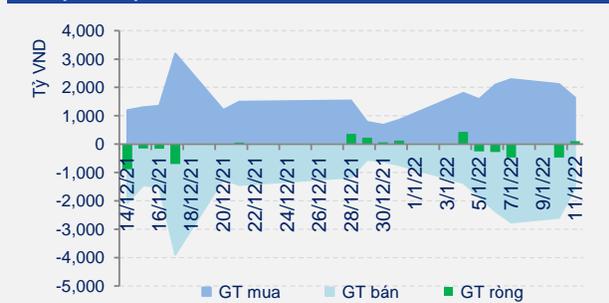


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,492.31	481.61
% Thay đổi	↓ -0.76%	↓ -0.27%
KLGD (CP)	1,252,625,559	143,682,458
GTGD (tỷ đồng)	35,945.12	4,047.49
Tổng cung (CP)	2,641,364,600	200,798,100
Tổng cầu (CP)	2,538,446,400	167,322,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,558,400	352,658
KL mua (CP)	40,320,000	829,113
GT mua (tỷ đồng)	1,645.36	21.23
GT bán (tỷ đồng)	1,543.95	12.44
GT ròng (tỷ đồng)	101.42	8.79

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -2.77%	23.7	3.6	1.2%
Công nghiệp	↓ -0.05%	25.5	3.4	20.2%
Dầu khí	↓ -1.28%	19.8	2.0	1.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.70%	-	10.2	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.06%	17.3	2.7	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.66%	23.1	4.0	8.3%
Ngân hàng	↓ -0.23%	12.0	2.4	9.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.47%	11.1	2.6	9.9%
Tài chính	↓ -0.86%	22.4	3.9	42.8%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.56%	17.1	2.7	2.4%
VN - Index	↓ -0.76%	17.8	3.2	
HNX - Index	↓ -0.27%	26.3	5.5	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Những tưởng thị trường đã có thể hồi phục trở lại trong phiên giao dịch hôm nay khi mà phần lớn thời gian chỉ số VN-Index giao dịch trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm thì áp lực bán gia tăng trong phiên chiều đã khiến thị trường tiếp tục kết phiên trong sắc đỏ phiên thứ ba liên tiếp. Kết phiên, VN-Index giảm 11,4 điểm (-0,76%) xuống 1.492,31 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 143 mã tăng, 34 mã tham chiếu, 360 mã giảm. HNX-Index giảm 1,28 điểm (-0,27%) xuống 481,61 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 93 mã tăng, 49 mã tham chiếu, 164 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.353 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 37,926 tỷ đồng cho thấy áp lực bán từ nhà đầu tư là tương đối mạnh. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục suy yếu với sắc đỏ chiếm đa số tiếp tục tạo áp lực điều chỉnh lên thị trường, có thể kể đến TCB (-0,4%), VPB (-0,3%), CTG (-0,9%), SHB (-1,2%), ACB (-0,8%), TPB (-0,6%), MBB (-0,7%), HDB (-1%), LPB (-0,5%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán có một phiên thực sự tiêu cực với phần lớn các mã đều giảm sâu SSI (-2,9%), VND (-5,4%), SHS (-4,1%), VCI (-5,3%), HCM (-4%), VIX (-2,6%), CTS (-5,9%)..., thậm chí có mã giảm sàn ART (-9,5%). Cổ phiếu FLC (-5,9%) tiếp tục lập nên kỷ lục mới về khối lượng khớp lệnh trong một phiên với gần 155 triệu cổ phiếu và kết phiên với mức giảm mạnh. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng tiếp tục là tâm điểm thu hút dòng tiền với nhiều mã ngược dòng thị trường tăng mạnh, thậm chí tăng trần CEO (+10%), DIG (+7%), LDG (+6,9%), NBB (+7%), AGG (+7%), BCM (+7%), VPH (+6,9%), D2D (+6,9%), LCG (+7%), TDC (+6,9%), L14 (+10%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam có phiên điều chỉnh thứ ba liên tiếp với mức giảm và thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó. Điều này cho thấy là áp lực bán tuy vẫn mạnh nhưng đang dần yếu đi. Sau phiên hôm nay, VN-Index đã đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm sau một tuần vượt trên ngưỡng này. Rõ ràng là xu hướng thị trường đang có sự suy yếu và nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng trong phiên tiếp theo thì VN-Index có thể sẽ cần lui về test vùng hỗ trợ tiếp theo trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50). Tuy nhiên, nếu nhìn vào lịch sử thì có thể thấy là nhịp giảm hiện tại có nét khá giống với các nhịp điều chỉnh trước đó vào phiên 23/12/2021 và phiên 6/12/2021 khi VN-Index test hỗ trợ MA50 thành công. Do đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 12/1, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như vùng hỗ trợ trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50) được giữ vững. Nhà đầu tư đã chốt lời một phần danh mục trong phiên 4/1/2022 để đưa tỷ trọng về mức cân bằng có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, có thể gia tăng tỷ trọng nếu thị trường test vùng 1.475-1.490 điểm (MA20-50) trong phiên tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.512,05 điểm. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.488,4 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 11,4 điểm (-0,76%) xuống 1.492,31 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: MSN giảm 8.100 đồng, VHM giảm 1.800 đồng, VIC giảm 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, BCM tăng 4.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 486,75 điểm. Nhưng áp lực bán gia tăng trong phiên chiều đã khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 479,8 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,28 điểm (-0,27%) xuống 481,61 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS giảm 2.000 đồng, THD giảm 800 đồng, IPA giảm 3.900 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO tăng 8.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 105,68 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 570 nghìn đơn vị. VIC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 67,3 tỷ đồng tương ứng với 666,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DXG với 64 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DGC là mã bị bán ròng nhiều nhất với 47,9 tỷ đồng tương ứng với 333 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 8,78 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 476 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 8,6 tỷ đồng tương ứng với 309,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVI với 3,8 tỷ đồng tương ứng với 80 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NTP là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,6 tỷ đồng tương ứng với 60 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm điểm trong phiên thứ hai liên tiếp với mức giảm tương đối (-0,76%) và đi kèm với đó là thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là tương đối mạnh.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm điểm này (-0,76%) thì chỉ số VN-Index đã chính thức đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm và điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường bắt đầu có sự suy yếu. Và trong các phiên giao dịch tiếp theo, vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50) có thể sẽ bị thử thách.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 12/1, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như vùng hỗ trợ trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50) được giữ vững.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực tiếp tục gia tăng vùng hỗ trợ trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50) bị xuyên thủng thì hỗ trợ tiếp theo của thị trường sẽ là ngưỡng tâm lý 1.450 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Quốc hội thông qua gói hỗ trợ phục hồi kinh tế hơn 300 ngàn tỷ

Với 424/426 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, chiều 11/01, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.



TIN TRONG NƯỚC

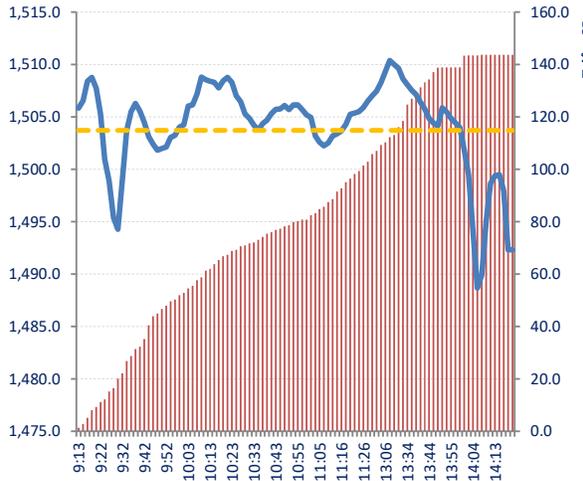
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,9 - 61,6 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 20 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 11/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.105 VND/USD, giảm 20 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,75 USD/ounce tương ứng với 0,49% lên 1.807,55 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,175 điểm tương ứng 0,15% xuống 95,845 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1338 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3606 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,34 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,36 USD/thùng tương ứng với 1,74% lên 79,6 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 10/1, Dow Jones giảm 162,79 điểm tương đương 0,45% xuống 36.068,87 điểm. Nasdaq tăng 6,93 điểm tương đương 0,05% lên 14.942,83 điểm. Nasdaq Composite giảm 6,74 điểm tương đương 0,14% xuống 4.670,29 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

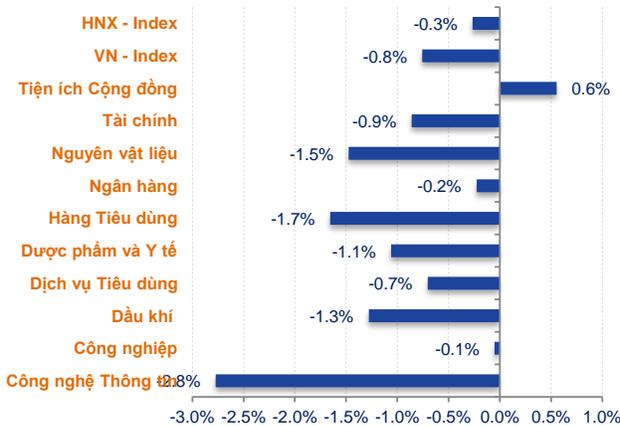
KLGD và VN-Index trong phiên



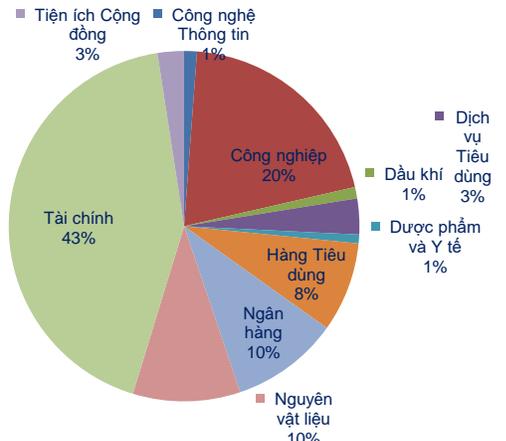
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



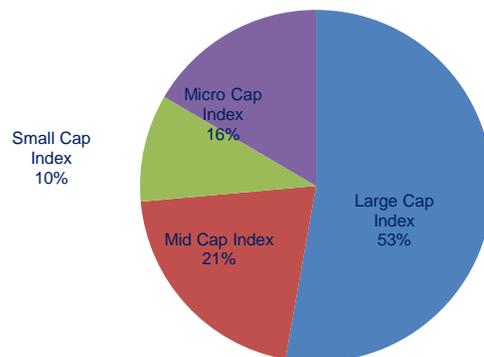
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	1,695,800	FLC	2,260,300
2	ROS	1,140,700	VRE	1,071,200
3	LCG	959,400	HAG	965,600
4	VIC	666,500	HSG	916,800
5	GEX	565,100	HCM	796,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	309,500	NTP	60,000
2	KLF	204,941	CEO	26,400
3	PVI	80,000	HCC	17,900
4	MBG	42,500	S99	14,400
5	VCS	21,000	ITQ	13,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
FLC	21.15	19.90	↓	-5.91%	154,958,000
ROS	14.90	13.90	↓	-6.71%	98,669,300
POW	18.75	18.65	↓	-0.53%	32,346,600
GEX	48.00	49.35	↑	2.81%	31,372,000
HQC	10.50	10.00	↓	-4.76%	30,460,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
KLF	10.50	9.50	↓	-9.52%	24,967,957
ART	16.80	15.20	↓	-9.52%	12,613,287
CEO	83.30	91.60	↑	9.96%	9,345,198
SHS	49.10	47.10	↓	-4.07%	8,383,721
PVS	27.70	27.50	↓	-0.72%	4,354,312

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNA	19.30	20.65	1.35	↑ 6.99%
TIP	53.00	56.70	3.70	↑ 6.98%
NBB	55.80	59.70	3.90	↑ 6.99%
AGG	55.80	59.70	3.90	↑ 6.99%
SGR	39.45	42.20	2.75	↑ 6.97%

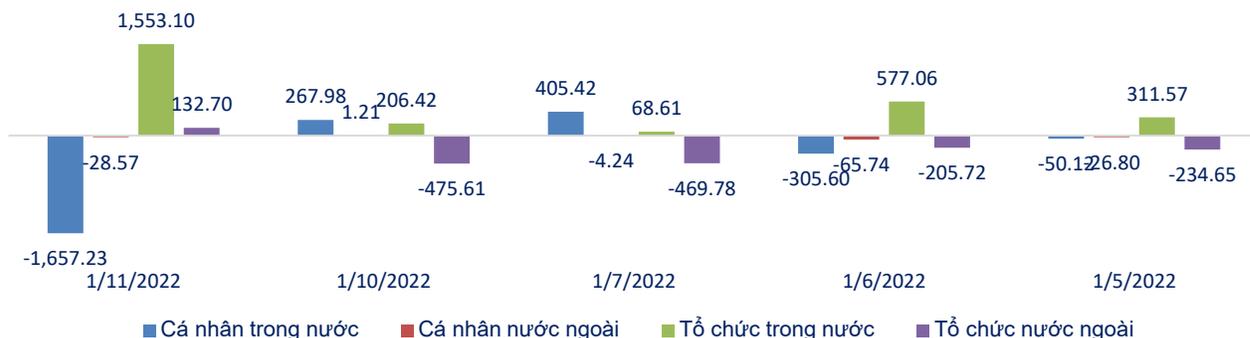
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PIA	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
L14	377.00	414.70	37.70	↑ 10.00%
STC	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
CEO	83.30	91.60	8.30	↑ 9.96%
SZB	41.50	45.60	4.10	↑ 9.88%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAR	15.00	13.95	-1.05	↓ -7.00%
FRT	85.80	79.80	-6.00	↓ -6.99%
AMD	10.30	9.58	-0.72	↓ -6.99%
HAI	9.90	9.21	-0.69	↓ -6.97%
CKG	35.20	32.75	-2.45	↓ -6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDA	23.10	20.80	-2.30	↓ -9.96%
VMC	25.30	22.80	-2.50	↓ -9.88%
VNT	72.10	65.10	-7.00	↓ -9.71%
S55	46.00	41.60	-4.40	↓ -9.57%
ART	16.80	15.20	-1.60	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	65.87	8.6%	1,754	27.4	2.1
DGC	47.63	29.1%	7,717	18.8	4.8
VPB	44.43	21.2%	2,772	12.4	2.5
HCM	42.29	19.2%	2,574	16.9	2.6
AGG	42.01	17.7%	5,092	11.0	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-1,048.39	13.1%	1,967	10.8	1.5
ROS	-198.98	3.1%	324	45.9	1.4
GAB	-90.44	1.1%	130	1,509.2	16.6
VIC	-70.90	2.9%	1,111	92.1	2.4
FPT	-59.44	20.4%	4,436	20.7	4.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	16.09	3.1%	324	45.9	1.4
PHC	6.85	11.3%	1,502	13.1	1.3
HVN	5.87	-832.8%	(7,832)	-	34.8
LCG	5.52	15.3%	2,126	11.1	1.7
MSN	5.00	8.4%	2,032	75.3	5.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-58.45	13.1%	1,967	10.8	1.5
HNG	-5.57	0.7%	51	264.9	1.8
TDM	-4.19	14.0%	2,463	13.9	1.9
TIP	-3.79	21.9%	5,431	9.8	2.1
VPH	-2.55	-0.1%	(9)	-	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	1,094.18	13.1%	1,967	10.8	1.5
ROS	183.08	3.1%	324	45.9	1.4
GAB	90.48	1.1%	130	1,509.2	16.6
FPT	60.26	20.4%	4,436	20.7	4.1
MWG	49.47	24.6%	6,071	21.9	5.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-93.72	8.6%	1,754	27.4	2.1
DXG	-48.27	7.5%	1,406	26.3	1.7
AGG	-40.83	17.7%	5,092	11.0	1.9
VPB	-32.51	21.2%	2,772	12.4	2.5
TCB	-22.77	21.3%	4,965	9.8	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	67.28	2.9%	1,111	92.1	2.4
DXG	64.93	7.5%	1,406	26.3	1.7
VCB	30.72	20.4%	4,464	17.8	3.4
GEX	30.05	8.6%	1,754	27.4	2.1
KSB	26.52	17.3%	3,931	12.0	2.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-47.84	29.1%	7,717	18.8	4.8
MSN	-41.21	8.4%	2,032	75.3	5.6
VRE	-37.74	7.2%	954	36.7	2.6
HCM	-33.94	19.2%	2,574	16.9	2.6
HSG	-32.24	48.0%	8,817	4.0	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	154,958,000	13.1%	1,967	10.8	1.5
ROS	98,669,300	3250.0%	324	45.9	1.4
POW	32,346,600	8.6%	1,167	16.1	1.3
GEX	31,372,000	8.6%	1,754	27.4	2.1
HQC	30,460,000	0.1%	9	1,187.9	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	24,967,957	0.1%	6	1,727.8	1.0
ART	12,613,287	0.3%	32	531.4	1.4
CEO	9,345,198	-4.7%	(606)	-	6.6
SHS	8,383,721	25.5%	3,046	16.1	2.5
PVS	4,354,312	4.6%	1,238	22.4	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TNA	↑ 7.0%	5.9%	788	24.5	1.7
TIP	↑ 7.0%	21.9%	5,431	9.8	2.1
NBB	↑ 7.0%	28.3%	6,148	9.1	2.9
AGG	↑ 7.0%	17.7%	5,092	11.0	1.9
SGR	↑ 7.0%	-1.9%	(237)	-	3.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PIA	↑ 10.0%	21.2%	3,158	7.9	1.8
L14	↑ 10.0%	13.6%	1,987	189.7	22.9
STC	↑ 10.0%	8.6%	1,848	10.8	0.9
CEO	↑ 10.0%	-4.7%	(606)	-	6.6
SZB	↑ 9.9%	18.9%	3,552	11.7	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	1,695,800	7.5%	1,406	26.3	1.7
ROS	1,140,700	3.1%	324	45.9	1.4
LCG	959,400	15.3%	2,126	11.1	1.7
VIC	666,500	2.9%	1,111	92.1	2.4
GEX	565,100	8.6%	1,754	27.4	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	309,500	4.6%	1,238	22.4	1.0
KLF	204,941	0.1%	6	1,727.8	1.0
PVI	80,000	13.2%	4,295	11.1	1.5
MBG	42,500	4.0%	422	39.3	1.6
VCS	21,000	41.5%	11,163	10.3	3.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	389,273	2.9%	1,111	92.1	2.4
VCB	376,235	20.4%	4,464	17.8	3.4
VHM	371,863	38.3%	8,968	9.5	3.1
HPG	204,189	44.7%	7,085	6.4	2.4
BID	196,524	12.0%	1,975	19.7	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	91,315	25.2%	4,694	55.6	15.8
KSF	24,360	8.8%	749	108.4	4.1
IDC	23,970	11.8%	1,805	44.3	5.1
CEO	21,436	-4.7%	(606)	-	6.6
VCS	18,352	41.5%	11,163	10.3	3.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	3.04	54.5%	2,573	7.2	2.8
SJF	2.93	0.5%	51	264.1	1.3
TNI	2.72	0.1%	9	1,166.8	0.9
STG	2.58	13.7%	2,427	12.1	1.6
FTS	2.53	7.9%	1,164	47.7	2.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.94	3.3%	243	94.9	3.1
L18	2.81	4.5%	683	118.2	5.7
APS	2.80	22.8%	1,594	22.6	3.0
L14	2.78	13.6%	1,987	189.7	22.9
IDJ	2.56	21.7%	2,623	18.3	4.0



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
